

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Xây dựng
trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái/năm tại ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia,
xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Đồng Phước
Lợi làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 85/CVMT-
ĐPL ngày 30 tháng 10 năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
10/TTr-STNMT ngày 12 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đồng Phước Lợi (sau đây gọi là
Chủ dự án; địa chỉ: ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình
Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng
trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái/năm tại ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia,
xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) với các nội
dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại nuôi heo nái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi,
huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành
viên trở lên số 3801229301 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và
Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2020, đăng ký thay

đổi lần thứ 1: ngày 02 tháng 11 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3801229301.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng cơ sở chăn nuôi heo nái áp dụng công nghệ khép kín tập trung, kỹ thuật hiện đại, an toàn với môi trường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích dự án: 119.193,6 m².

- Quy mô: 3.000 con heo nái/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện nội dung cấp phép đối với nước thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đồng Phước Lợi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đồng Phước Lợi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Thực hiện các quy định tại khoản 8 Quyết định chấp thuận chủ trương

đầu tư số 464/QĐ-UBND của UBND tỉnh, chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2020, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 02 năm 2021.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 18 tháng 01 năm 2024 đến ngày 18 tháng 01 năm 2031).

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2490/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH Đồng Phước Lợi thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án nêu trên.

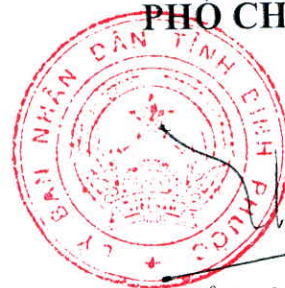
Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH Đồng Phước Lợi;
- Lưu: VT_(BH-04-GPMT-16/01).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .17../GPMT-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án (khoảng 93,4 m³/ngày.đêm) sau khi xử lý sơ bộ, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất 120 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong hồ chứa nước sau xử lý 1, 2 (tổng thể tích khoảng 16.200 m³), nước thải sau đó được chia thành 02 dòng tái sử dụng, không xả thải ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý được dùng để tưới cây: Khoảng 68 m³/ngày.đêm đảm bảo xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trong khuôn viên dự án (áp dụng cho các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu hàng năm). Chủ dự án cam kết chỉ tưới cây vào mùa khô (từ tháng 11 năm trước đến hết tháng 4 năm sau), vào mùa mưa (từ tháng 5 đến hết tháng 10) nước thải được lưu chứa trong hồ chứa nước sau xử lý, không thải ra môi trường.

- Nước thải sau xử lý dùng để tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động làm mát, rửa chuồng: Khoảng 25,4 m³/ngày.đêm. Lượng nước này được Chủ dự án bơm lên các bể chứa nước tại các khu chuồng để vệ sinh chuồng nuôi. Chủ dự án cam kết tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng cho làm mát và vệ sinh chuồng của trang trại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước tập trung để tiếp tục xử lý bằng đường ống uPVC Ø114 mm. Chủ dự án xây dựng tổng cộng 04 bể tự hoại 03 ngăn.

- Nước thải chăn nuôi được thu gom bằng hệ thống mương dẫn bằng bê tông đá, có nắp đan đáy kín (sâu 0,5 m, rộng 0,5 m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải từ quá trình sát trùng xe và công nhân được dẫn về hồ chứa nước thải sau xử lý bằng đường ống uPVC Ø60mm.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án là 93,4

$m^3/ngày.đêm$ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế $120 m^3/ngày.đêm$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom; Nước sát trùng xe và công nhân → Hồ chứa nước sau xử lý; Nước thải chăn nuôi → Bể thu gom → Hầm biogas → Hồ điều hòa (02 hồ) → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể hiếu khí 3 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sau xử lý 1,2.

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng; sau đó được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) trong phạm vi dự án theo quy định của pháp luật và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích làm mát, rửa chuồng. Trong đó: Nước thải sau xử lý dùng để làm mát, rửa chuồng khoảng $25,4 m^3/ngày.đêm$ (nước thải từ hồ chứa nước thải sau xử lý được bơm lên các bể chứa nước tại các khu chuồng để làm mát, vệ sinh chuồng nuôi); nước thải sau xử lý để tưới cây khoảng $68 m^3/ngày.đêm$ (nước thải được lưu chứa trong hồ chứa nước thải sau xử lý tổng dung tích khoảng $16.200 m^3$, Chủ dự án cam kết chỉ tưới cây vào mùa khô, vào mùa mưa nước thải được lưu chứa trong hồ chứa nước sau xử lý, không thải ra môi trường). Chủ dự án không được phép xả thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động kể cả trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Chủ dự án phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng làm mát, vệ sinh chuồng trại của trang trại.

- Công suất thiết kế hệ thống: $120 m^3/ngày.đêm$.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: PAC, polymer, NaOH, NaOCl, chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hầm biogas: Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khí gas phát sinh từ hầm biogas được thu gom, dùng vào mục đích sinh hoạt và phần còn dư được đốt bỏ có kiểm soát.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại hồ sự cố (kích thước: dài x rộng x sâu

= 45 m x 25 m x 6 m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE) và hồ chứa nước sau xử lý 1, 2 (tổng thể tích khoảng 16.200 m³); sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm ngược về hầm biogas để tiếp tục xử lý.

1.5. Vị trí, phương thức và chế độ tưới cây:

- Vị trí tưới cây: Khu đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Đồng Phước Lợi đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sêri DC 929087, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 35873 ngày 21 tháng 10 năm 2021.

- Diện tích tưới cây: 91.363,58 m².

- Lưu lượng tưới lớn nhất: Khoảng 68 m³/ngày.đêm.

- Phương thức tưới: Nước từ hồ chứa nước thải sau xử lý được Chủ dự án dùng máy bơm để bơm nước theo hệ thống ống uPVC đến các ống nhánh và tưới vào các khu vực cần tưới (tưới gốc cho cây trồng) trong khuôn viên dự án. Chủ dự án tiến hành tưới thủ công, tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây trồng theo quy định.

- Chế độ tưới: Nước thải được tưới gián đoạn với định mức: tưới cây xanh cách ly 3 lít/m²/lần, cây công nghiệp (cây cao su) trong dự án 10 lít/m²/lần; tần suất tưới 2 lần/tuần vào mùa nắng, không tưới cây vào mùa mưa.

- Chất lượng nước thải trước khi tưới tiêu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trong phạm vi dự án theo quy định pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 120 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m³/ngày.đêm.

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.



3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT trước khi tưới cây. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và phải dừng ngay việc tưới cây để thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động, kể cả trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Đối với việc sử dụng nước thải sau xử lý cho hoạt động làm mát, rửa chuồng trại, Chủ dự án phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tái sử dụng cho làm mát, rửa chuồng của trang trại.

3.2. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích tưới cây trồng.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, quá trình vận hành chính thức hệ thống xử lý nước thải và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và kiểm soát nước thải; đảm bảo không xả trực tiếp ra môi trường.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường

3.8. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ dự án phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại đề cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .07./GPMT-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Từ quá trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ X = 581480; Y = 1267851.

Nguồn số 02: Tọa độ X = 581685; Y = 1267671.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .07../GPMT-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	50
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt)	18 02 01	Rắn	50
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	100
4	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Rắn	200
5	Dầu nhớt thải	15 01 07	Lỏng	100
6	Kim tiêm	13 02 01	Rắn	200
7	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	Rắn	400
8	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	70
9	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	70
Tổng số lượng				1.240

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Phân heo (trước khi ép)	5.648 kg/ngày
2	Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai heo	87 kg/ngày
3	Bao bì phát sinh từ quá trình chăn nuôi	3,14 kg/ngày
4	Bùn thải	281 kg/ngày
5	Tấm làm mát thải bỏ	1,3 kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	32
Tổng khối lượng		32

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 08 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hồ thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Diện tích kho: 12 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Nhà 1 tầng, tường xây gạch tô 2 mặt, có mái che, nền bê tông chống thấm.

- Đối với phân heo:

+ Diện tích: 70 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Nhà 1 tầng, tường xây gạch tô 2 mặt, có mái che, nền bê tông chống thấm.

- Đối với bùn thải: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn hóa lý (thể tích 33,8 m³) và bể chứa bùn sinh học (thể tích 15,6 m³). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa.

2.3.2. Kho lưu chứa: Lưu chứa trong kho chất thải rắn công nghiệp thông thường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

Công trình tự xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Hiện tại Chủ dự án đang sử dụng phương án xử lý xác heo chết không do dịch bệnh như sau:

- Loại chất thải tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai.
- Khối lượng chất thải tự xử lý: 87 kg/ngày.
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai → Thu gom → Hàm hủy xác.

Chủ dự án xây dựng 01 hầm hủy xác với kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 12 m x 06 m x 04 m. Hầm hủy xác có kết cấu đáy, tường và nắp đáy bằng bê tông cốt thép, quét vôi, đáy chống thấm. Bề mặt hầm hủy xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các trường hợp heo chết do dịch bệnh: Chủ dự án báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .Đ.T../GPMT-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải, mùi phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Đối với mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực chứa phân; khí từ hồ biogas và hầm ủ xác:

- Khu vực chuồng nuôi: Bố trí hợp lý chiều cao chuồng trại, tăng cường trồng cây xanh cách ly xung quanh khu trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; khống chế ô nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM tại khu vực phát sinh mùi. Bố trí hệ thống thông gió, trang bị quạt hút ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi.

- Khu vực thu gom, xử lý nước thải: Hệ thống đường ống, hố gas thu gom nước thải là hệ thống kín; thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải tại các hố gas; phun chế phẩm EM vào những vị trí phát sinh mùi hôi.

- Khu vực nhà chứa phân: Rắc vôi bột nhằm xử lý mùi hôi, vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 02 lần/tuần.

- Khu vực hầm ủ xác heo: Rãi vôi bên ngoài và trên bề mặt hầm ủ xác hoặc phun chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 - 0,25 lít/m² để hạn chế mùi hôi phát sinh và nguy cơ dịch bệnh nếu có, trồng cây xanh quanh khu vực hầm ủ xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí...

- Chủ dự án bố trí trồng cây xanh phía sau các quạt hút và khu vực dự án đảm bảo đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm thiểu mùi hôi phát tán xung quanh.

- Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải: Chủ dự án sử dụng thêm chế phẩm EM để phun vào những vị trí phát sinh mùi; đối với hồ biogas: phủ và lót bạt đáy bằng vật liệu HDPE để không phát tán mùi hôi ra ngoài.

- Đối với khí từ hầm biogas:

+ Toàn bộ lượng khí biogas hình thành được lưu chứa trong hầm biogas kín, vật liệu HDPE.

+ Khí biogas được đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định bằng các thiết bị chuyên dụng, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

+ Việc đốt bỏ được thực hiện bằng thiết bị đốt khí dư kín chuyên dụng giúp

hạn chế tiếng ồn và ngọn lửa.

+ Đường ống dẫn khí biogas sử dụng vật liệu chống ăn mòn (uPVC/HDPE) đảm bảo hạn chế hư hỏng đường ống phát tán khí biogas ra môi trường. Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng đường ống dẫn khí. Kiểm tra nước đọng trong ống dẫn khí, kiểm tra ống dẫn khí không bị cong, gập.

- Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên ngoài chuồng nuôi và xung quanh dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

8. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

9. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.